

Phụ lục 11

Danh mục các học phần của CTĐT ngành Hệ thống thông tin quản lý được công nhận tương đương trong CTĐT ngành Phân tích dữ liệu kinh doanh

(Kèm theo công văn số /ĐHQGHN-ĐT ngày tháng năm 2023
của Đại học Quốc gia Hà Nội)

STT	CTĐT Phân tích dữ liệu kinh doanh			CTĐT Hệ thống thông tin quản lý		
	Mã học phần	Tên học phần	Số TC	Mã học phần	Tên học phần	Số TC
I. Khối kiến thức chung: 21 tín chỉ (các học phần 8, 9 không tính vào số tín chỉ tích lũy)						
1.	PHI1006	Triết học Mác – Lênin <i>Marxist-Leninist Philosophy</i>	3	PHI1006	Triết học Mác – Lênin <i>Marxist-Leninist Philosophy</i>	3
2.	PEC1008	Kinh tế chính trị Mác – Lênin <i>Marx-Lenin Political Economy</i>	2	PEC1008	Kinh tế chính trị Mác – Lênin <i>Marx-Lenin Political Economy</i>	2
3.	PHI1002	Chủ nghĩa xã hội khoa học <i>Scientific Socialism</i>	2	PHI1002	Chủ nghĩa xã hội khoa học <i>Scientific Socialism</i>	2
4.	HIS1001	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam <i>History of the Communist Party of Vietnam</i>	2	HIS1001	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam <i>History of the Communist Party of Vietnam</i>	2
5.	POL1001	Tư tưởng Hồ Chí Minh <i>Ho Chi Minh's Ideology</i>	2	POL1001	Tư tưởng Hồ Chí Minh <i>Ho Chi Minh's Ideology</i>	2
6.	FLF1107	Tiếng Anh B1 (*) <i>English B1</i>	5	FLF1107	Tiếng Anh B1 <i>English B1</i>	5
7.	FLF1108	Tiếng Anh B2 (*) <i>English B2</i>	5	FLF1108	Tiếng Anh B2 <i>English B2</i>	5
8.		Giáo dục thể chất <i>Physical Education</i>	4		Giáo dục thể chất <i>Physical Education</i>	4
9.		Giáo dục quốc phòng – an ninh <i>National Defence Education</i>	8		Giáo dục quốc phòng – an ninh <i>National Defence Education</i>	8

STT	CTĐT Phân tích dữ liệu kinh doanh			CTĐT Hệ thống thông tin quản lí		
	Mã học phần	Tên học phần	Số TC	Mã học phần	Tên học phần	Số TC
II. Khối kiến thức theo lĩnh vực: 21 tín chỉ						
10.	INS1014	Tiếng Anh học thuật 1 <i>English for Academic Purposes 1</i>	4	INS1014	Tiếng Anh học thuật 1 <i>English for Academic Purposes 1</i>	4
11.	INT1004	Tin học cơ sở 2 <i>Introduction to Informatics 2</i>	3	INT1004	Tin học cơ sở 2 <i>Introduction to Informatics 2</i>	3
12.	MAT1092	Toán cao cấp <i>Advanced Mathematics</i>	4	MAT1092	Toán cao cấp <i>Advanced Mathematics</i>	4
13.	MAT1004	Lí thuyết xác suất và thống kê toán <i>Theory of Probability and Mathematical Statistics</i>	3	MAT1004	Lí thuyết xác suất và thống kê toán <i>Theory of Probability and Mathematical Statistics</i>	3
14.	INS2065	Các công nghệ dựa trên nền công nghệ thông tin <i>Computer Based Technologies</i>	2	INS2065	Các công nghệ dựa trên nền công nghệ thông tin <i>Computer Based Technologies</i>	2
15.	INS2020	Lập trình 1 <i>Programming 1</i>	3	INS2020	Lập trình 1 <i>Programming 1</i>	3
16.	PSY1050	Tâm lí học đại cương <i>Introduction to Psychology</i>	2	PSY1050	Tâm lí học đại cương <i>Introduction to Psychology</i>	2
III. Khối kiến thức theo khối ngành: 14 tín chỉ						
17.	INS3009	Khởi nghiệp <i>Entrepreneurship</i>	3	INS3009	Khởi nghiệp <i>Entrepreneurship</i>	3
18.	THL1057	Pháp luật đại cương <i>Introduction to Law</i>	2	THL1057	Pháp luật đại cương <i>Introduction to Law</i>	2
19.	INE1050	Kinh tế vi mô <i>Microeconomics</i>	3	INE1050	Kinh tế vi mô <i>Microeconomics</i>	3
20.	INE1051	Kinh tế vĩ mô <i>Macroeconomics</i>	3	INE1051	Kinh tế vĩ mô <i>Macroeconomics</i>	3
21.	INS2019	Tổ chức và quản trị kinh doanh <i>Business Organization and Management</i>	3	INS2019	Tổ chức và quản trị kinh doanh <i>Business Organization and Management</i>	3

STT	CTĐT Phân tích dữ liệu kinh doanh			CTĐT Hệ thống thông tin quản lí		
	Mã học phần	Tên học phần	Số TC	Mã học phần	Tên học phần	Số TC
IV. Khối kiến thức theo nhóm ngành: 36 tín chỉ						
22.	INS3063	Phân tích kinh doanh hỗ trợ ra quyết định <i>Enterprise Analytics for Decision Support</i>	3	INS3063	Phân tích kinh doanh hỗ trợ ra quyết định <i>Enterprise Analytics for Decision Support</i>	3
23.	INS3062	Các nguyên lí an toàn thông tin <i>Principles of Information Security</i>	3	INS3062	Các nguyên lí an toàn thông tin <i>Principles of Information Security</i>	3
24.	INS2023	Quản trị hoạt động <i>Operations Management</i>	3	INS2023	Quản trị hoạt động <i>Operations Management</i>	3
25.	INS2037	Hệ thống thông tin và các quy trình kinh doanh <i>Business Information Systems and Processes</i>	3	INS2037	Hệ thống thông tin và các quy trình kinh doanh <i>Business Information Systems and Processes</i>	3
26.	INS2051	Các phương pháp định lượng trong quản lí <i>Quantitative Methods for Management</i>	3	INS2051	Các phương pháp định lượng trong quản lí <i>Quantitative Methods for Management</i>	3
27.	INS2055	Các hệ cơ sở dữ liệu <i>Database Systems</i>	3	INS2080	Các hệ cơ sở dữ liệu <i>Database Systems</i>	4
28.	INS2022	Môi trường pháp lí, đạo đức và xã hội trong kinh doanh <i>Legal, Ethical, Social Environment of Business</i>	3	INS2022	Môi trường pháp lí, đạo đức và xã hội trong kinh doanh <i>Legal, Ethical, Social Environment of Business</i>	2
29.	INS2058	Quyền sở hữu trí tuệ <i>Intellectual Property Rights</i>	3	INS2058	Quyền sở hữu trí tuệ <i>Intellectual Property Rights</i>	3
30.	INS2053	Tạo lập và quản lí Web <i>Web Authoring and Web Management</i>	3	INS2053	Tạo lập và quản lí Web <i>Web Authoring and Web Management</i>	4
31.	INS3066	Các giải pháp kinh doanh cho doanh nghiệp <i>Enterprise Business Solutions</i>	3	INS3066	Các giải pháp kinh doanh cho doanh nghiệp <i>Enterprise Business Solutions</i>	3

STT	CTĐT Phân tích dữ liệu kinh doanh			CTĐT Hệ thống thông tin quản lí		
	Mã học phần	Tên học phần	Số TC	Mã học phần	Tên học phần	Số TC
32.	INS3059	Quản trị dự án công nghệ thông tin <i>IT Project Management</i>	3	INS3044	Quản trị dự án công nghệ thông tin <i>IT Project Management</i>	3
33.	INS2060	Đổi mới công nghệ thông tin và kinh doanh <i>IT and Business Innovation</i>	3	INS2060	Đổi mới công nghệ thông tin và kinh doanh <i>IT and Business Innovation</i>	3
V. Khối kiến thức ngành: 39 tín chỉ						
34.	INS2061	Khai phá dữ liệu & phân tích kinh doanh <i>Data Mining and Business Analytics</i>	3	INS2061	Khai phá dữ liệu & phân tích kinh doanh <i>Data Mining and Business Analytics</i>	3
35.	INS3073	Kho dữ liệu và Phân tích kinh doanh <i>Data Warehousing and Business Analytics</i>	3	INS3073	Kho dữ liệu và Phân tích kinh doanh <i>Data Warehousing and Business Analytics</i>	3
36.	INS3050	Cấu trúc dữ liệu và giải thuật <i>Data Structures and Algorithms</i>	3	INS3050	Cấu trúc dữ liệu và giải thuật <i>Data Structures and Algorithms</i>	3
37.	INS3060	Thương mại điện tử <i>E-Commerce</i>	3	INE3060	Thương mại điện tử <i>E-Commerce</i>	3
38.	INS3061	Các hệ thống thông tin doanh nghiệp <i>Enterprise Information Systems</i>	3	INS3061	Các hệ thống thông tin doanh nghiệp <i>Enterprise Information Systems</i>	3
39.	INS1005	Phương pháp nghiên cứu trong công nghệ thông tin <i>IT Research Methodology</i>	2	INS1005	Phương pháp nghiên cứu trong công nghệ thông tin <i>IT Research Methodology</i>	2
40.	INS2059	Lãnh đạo và xây dựng đội ngũ <i>Leadership and Team Building</i>	2	INS2059	Lãnh đạo và xây dựng đội ngũ <i>Leadership and Team Building</i>	2
41.	SOC1050	Xã hội học đại cương <i>Introduction to Sociology</i>	2	SOC1050	Xã hội học đại cương <i>Introduction to Sociology</i>	2

STT	CTĐT Phân tích dữ liệu kinh doanh			CTĐT Hệ thống thông tin quản lý		
	Mã học phần	Tên học phần	Số TC	Mã học phần	Tên học phần	Số TC
42.	INS3069	Các hệ hỗ trợ ra quyết định <i>Decision Support Systems</i>	3	INS3069	Các hệ hỗ trợ ra quyết định <i>Decision Support Systems</i>	3
43.	INS3080	Trí tuệ nhân tạo <i>Artificial Intelligence</i>	3	INS3080	Trí tuệ nhân tạo <i>Artificial Intelligence</i>	3
44.	INS2015	Tài chính căn bản <i>Fundamentals of Finance</i>	3	INS2015	Tài chính căn bản <i>Fundamentals of Finance</i>	3
45.	INS3007	Tài chính doanh nghiệp <i>Corporate Finance</i>	3	INS3007	Tài chính doanh nghiệp <i>Corporate Finance</i>	3
46.	FIB3005	Đầu tư và quản lý danh mục đầu tư <i>Investment and Portfolio Management</i>	3	FIB3005	Đầu tư và quản lý danh mục đầu tư <i>Investment and Portfolio Management</i>	3
47.	INS2003	Nguyên lý marketing <i>Principles of Marketing</i>	3	INS2003	Nguyên lý marketing <i>Principles of Marketing</i>	3

Ghi chú: - Số tín chỉ tối đa được bảo lưu: 108;

(*) Sinh viên tự tích lũy 2 học phần Tiếng Anh B1 và Tiếng Anh B2.